

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HSPT
Ngày: 31/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân
Bà Phạm Thị Hồng Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm – Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông
Trần Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 61/2017/HSPT ngày 23 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2017/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Đ, sinh năm: 1985; trú tại: Ấp M, xã C, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông C và bà H; có vợ là T và hai người con (lớn nhất sinh 2012, nhỏ nhất sinh 2014).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác không có liên quan đến kháng cáo:

Người bào chữa cho bị cáo Đ: Bà T2 – Luật sư văn phòng luật sư DVP, thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Người bị hại: Ông T1 (MA), sinh năm: 1974.

Trú tại: Ấp M, xã C, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. H1, sinh năm: 1978.

Trú tại: Ấp M, xã C, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

2. T3, sinh năm: 1981.

Trú tại: Ấp M, xã C, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện MT và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MT thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đ và T1 là bạn bè. Do anh T1 trước đây có thiếu tiền bị cáo nên vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 26/12/2016, bị cáo điện thoại cho anh T1, yêu cầu anh T1 trả tiền đã thiếu trước đó, nhưng anh T1 không nghe điện thoại. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo đang ở nhà cha vợ là ông A, ngụ ấp M, xã C, huyện MT, anh T1 điện thoại cho bị cáo. Lúc đó, bị cáo nghe điện thoại và yêu cầu anh T1 trả nợ 6.000.000 đồng thì dẫn đến cự cãi và thách thức nhau. Anh T1 hỏi bị cáo: “Mày đang ở đâu?”. Bị cáo trả lời: “Đang ở ngã ba”. Anh T1 tiếp tục nói với bị cáo: “Tao ra mày không có ở đó là chết mẹ với tao à”. Sau đó, anh T1 dừng điện thoại, còn bị cáo đi về nhà bị cáo. Khoảng 30 phút sau, khi bị cáo đang ở nhà chuẩn bị nướng thịt để bán cơm, thì thấy bị hại điều khiển xe mô tô mang biển số kiểm soát 64M1- 0191 chạy ngang qua nói: “Tao chạy xuống nhà mày rồi nè, ra chơi tay đôi với tao” và bị hại dừng xe trên đường huyện 33. Khi đó, bị cáo vào nhà lấy con dao bằng kim loại dài 62 cm (cán dài 34 cm, lưỡi dài 28 cm), bề lưỡi sắc bén rộng nhất 06 cm, nhỏ nhất 03 cm, nặng 1,4kg, chạy đến dùng tay phải chém một cái trúng vào cẳng tay trái của bị hại T1 gây thương tích. Bị hại T1 bỏ chạy khoảng 50 mét thì gặp vợ là H1 và được chị H1 đưa đi cấp cứu và điều trị vết thương. Sau khi chém bị hại, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 29/12/2016, bị cáo đến tại Công an xã C đầu thú. Bị hại yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 09/TgT ngày 03/02/2017 của Trung tâm giám định pháp y - Sở Y tế Vĩnh Long xác định thương tích bị hại T1: Vết thương cẳng tay trái kích thước 6 x 0,2cm đứt gân duỗi cổ tay trụ, đứt gân duỗi ngón 4,5 trái, được phẫu thuật điều trị hiện còn hạn chế vận động bàn tay. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 10%.

Về vật chứng: Một con dao bằng kim loại có chiều dài 62 cm, cán dao tròn bằng kim loại dài 34 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 28 cm, có bề lưỡi sắc, có trọng lượng 1,4kilôgam; một con dao Thái lan cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, đầu nhọn, lưỡi dao sắc bén, chiều dài khoảng 22 cm và 3.000.000 đồng tiền Việt Nam.

Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại T1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với tổng chi phí là 33.323.929 đồng, gồm các khoản như sau: Tiền thuốc điều trị thương tích: 1.473.929 đồng, tiền xe: 1.200.000 đồng, tiền ăn của bị hại: 500.000 đồng, tiền mất thu nhập của bị hại: 18.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần của bị hại: 12.000.000 đồng, tiền ăn cho người nuôi bệnh: 150.000 đồng. Bị cáo chỉ đồng ý bồi thường 9.323.929 đồng, gồm các khoản như sau: Tiền thuốc điều trị thương tích: 1.473.929 đồng, tiền xe: 1.200.000 đồng, tiền ăn của bị hại: 500.000 đồng, tiền ăn cho người nuôi bệnh: 150.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần: 6.000.000 đồng và đã nộp cho Cơ quan điều tra là 3.000.000 đồng. Đồng thời, bị cáo yêu cầu khấu trừ 6.000.000 đồng bị hại còn nợ bị cáo. Bị hại T1 không đồng ý khấu trừ nợ 6.000.000 đồng vì cho rằng đây là nợ cá độ bóng đá.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2017/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện MT đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 2009;

Xử phạt bị cáo Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 42 của Bộ luật Hình sự; điểm a Tiểu mục 1.2 Mục 1 phần II của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao;

Buộc bị cáo Đ tiếp tục bồi thường chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần, mất thu nhập cho bị hại T1 5.073.929đ (Năm triệu không trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm hai mươi chín đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31 tháng 5 năm 2017 bị cáo Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đ yêu cầu giảm nhẹ hình phạt hoặc xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 2009, xử phạt bị cáo Đ 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời

gian thử thách là 12 tháng. Đề nghị không khấu trừ phần 6.000.000 đồng phần bị hại nợ vào phần bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại. Viện kiểm sát nhân dân huyện MT truy tố bị cáo tại hai điểm a, i khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là chưa chính xác, vì chính bị hại là người gây ra mâu thuẫn trước và đi tìm bị cáo để đánh nhau, bị hại cũng có lỗi, nên xác định bị cáo phạm vào điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất về tội danh, thống nhất các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo, nhưng xin cho bị cáo được hưởng án treo vì bị hại cũng có lỗi, bị hại chạy đến nhà của bị cáo để gây sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người bị hại, vật chứng thu được, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đ đã dùng hung khí nguy hiểm là con dao bằng kim loại dài 62 cm (cán dài 34 cm, lưỡi dài 28 cm), bề lưỡi sắc bén rộng nhất 06 cm, nhỏ nhất 03 cm, nặng 1,4kg, cầm trên tay phải chạy đến chém một cái trúng vào cẳng tay trái của bị hại T1. Hậu quả gây thương tích cho bị hại T1 với tỷ lệ thương tật 10%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo xem thường sức khỏe, tính mạng của con người. Bị cáo là người trưởng thành đủ nhận biết việc dùng con dao sắc bén chém người khác là rất nguy hiểm có thể gây ra thương tích cho người khác, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, nên cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi lượng hình cho bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và cũng đã xem xét đến lỗi của bị hại trong vụ án này để xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/8/2017 bị cáo Đ đã nộp khắc phục hậu quả thêm với số tiền 2.073.929 đồng, do đó bị cáo Đ đã nộp toàn bộ số tiền khắc phục hậu quả như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định của pháp luật, do đó có căn cứ

xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện MT truy tố bị cáo hai tình tiết định tội quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là chưa chính xác vì bị hại cũng có lỗi, nên việc bị cáo gây thương tích cho bị hại không mang tính côn đồ. Khi giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng cụ thể điểm nào trong khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự để tuyên phạt bị cáo là có sai sót. Đối với số tiền 6.000.000 đồng bị hại T1 thiếu nợ bị cáo, bị hại xác định là thiếu bị cáo do thua cá độ bóng đá, bị cáo xác định là thiếu nợ vay; giữa bị cáo Đ và bị hại T1 không có sự thỏa thuận khấu trừ số tiền nợ và bị hại T1 cũng không đồng ý khấu trừ số tiền này vào số tiền bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng khấu trừ số tiền này vào số tiền bồi thường thiệt hại của bị cáo là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị hại không kháng cáo phân trách nhiệm dân sự, nên tòa không xem xét, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi xét xử.

Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đ. Sửa bản án sơ thẩm số: 10/2017/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện MT.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Đ 03 (Ba) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.073.929 đồng theo biên lai thu số 000033 ngày 17/8/2017 của Chi cục Thi hành án huyện MT để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND HMT: 01;
- VKSND + CA HMT: 02;
- Chi cục THADS HMT: 02;
- TG + BC: 02;
- Phòng hồ sơ CAVL: 01
- STP: 01;
- Bị hại: 01;
- NLQ: 02;
- Lưu VP: 01;
- Lưu HS: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Duyên